CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Clever Group

Ngày 30/06/2025	8,900 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-3.1%	-	-

DT thuần
Q2/25
114
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 30.0| 36.1%
YoY: ▼4.00| -3.1%

LN thuần
Q2/25
5.88
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 9.81| 250%
YoY: ▼8.02| -57.7%

LN sau thuế
Q2/25
4.81
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 9.08| 213%
YoY: ▼5.89| -55.0%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
5.9%
YoY: +/-▲ 10.0%

ROE (TTM)
Q2/25
2.8%
YoY: +/-▼ 1.6%

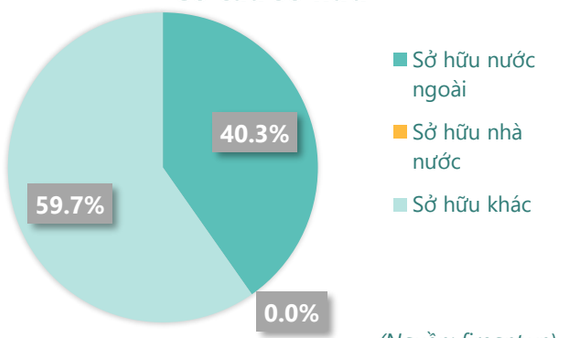
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	8,520 - 16,550
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	190
Số lượng CPLH (CP)	21,380,521
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,805
Sở hữu nước ngoài	40.3%
Beta	0.62
EPS	483
P/E	18.4

DT thuần
6T 2025
198
tỷ VNĐ
YoY: ▼4.00| -2.0%

LN thuần
6T 2025
1.95
tỷ VNĐ
YoY: ▼11.0| -84.8%

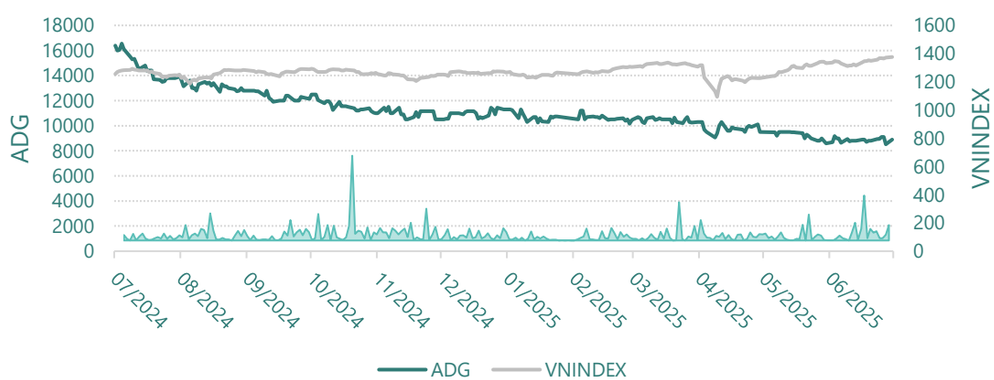
LN sau thuế
6T 2025
0.55
tỷ VNĐ
YoY: ▼8.18| -93.7%

Cơ cấu sở hữu

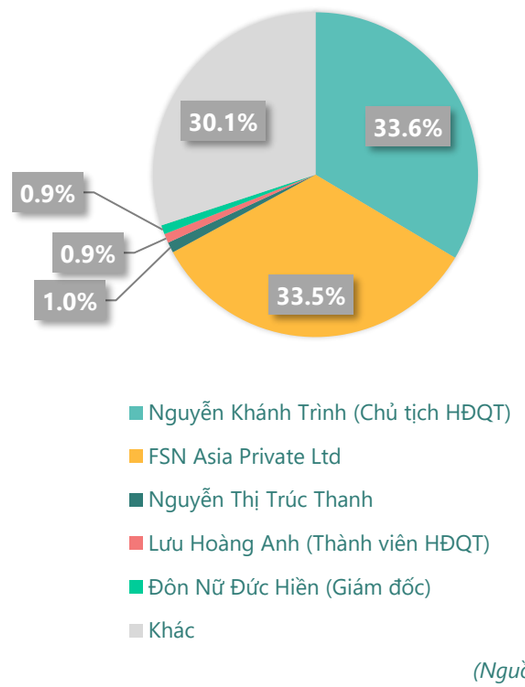


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



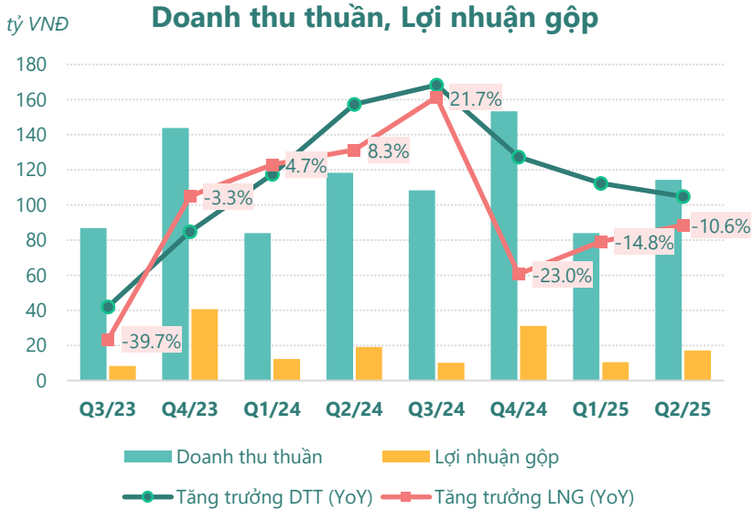
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

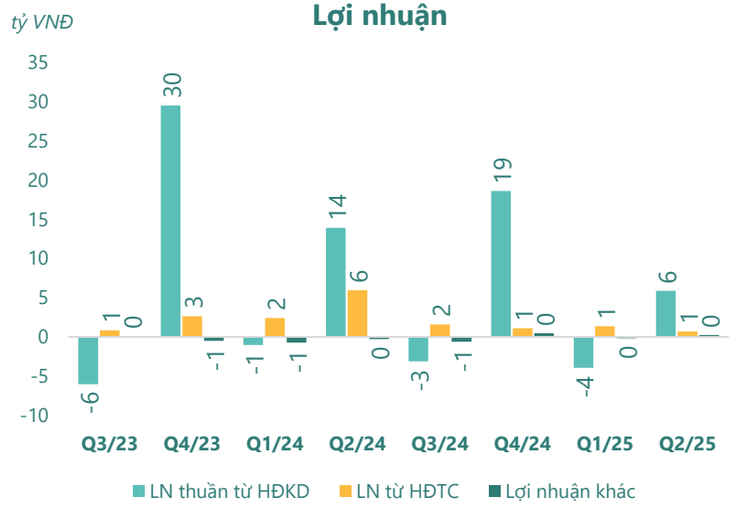
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



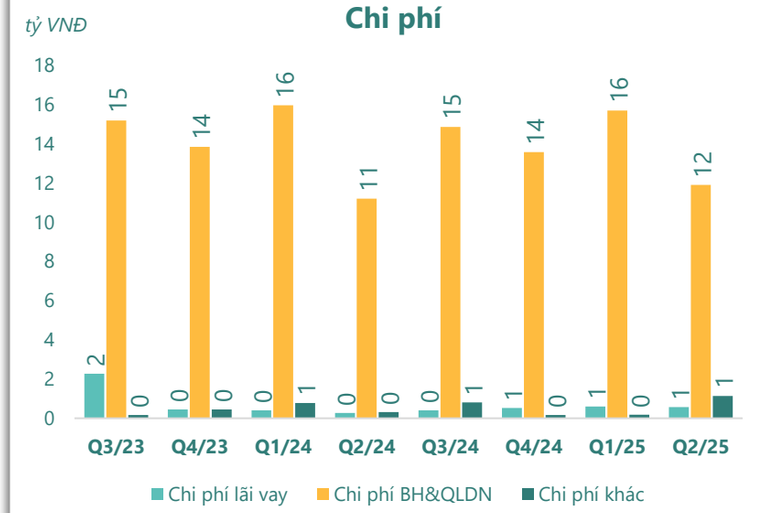
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



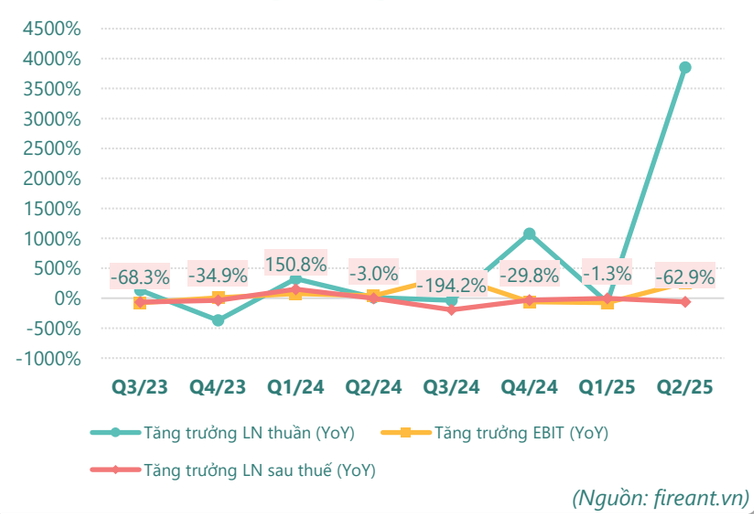
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



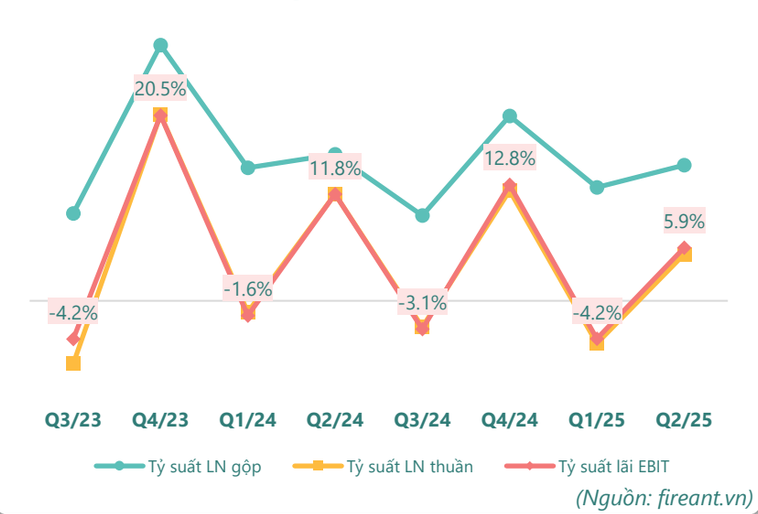
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



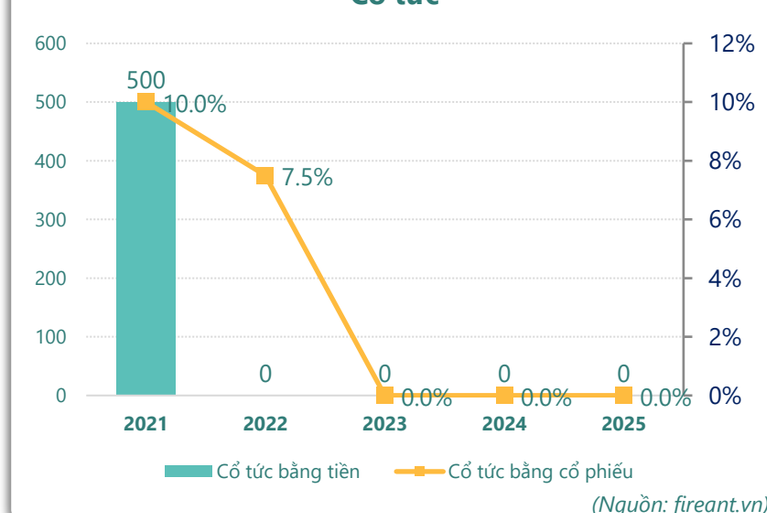
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

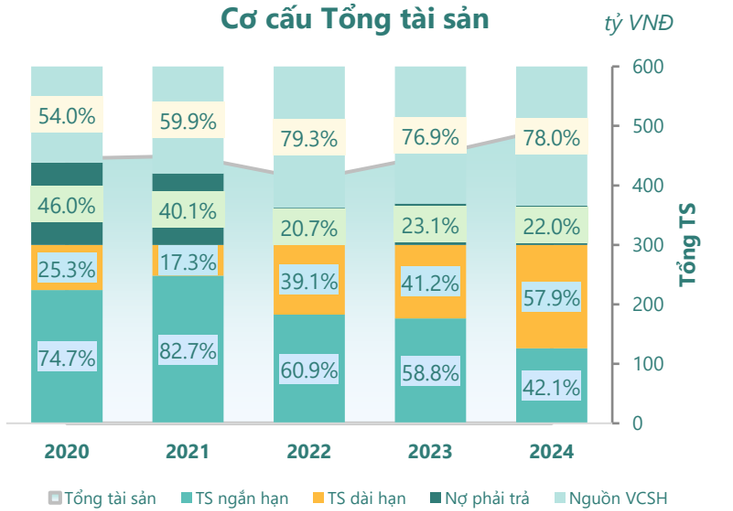
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

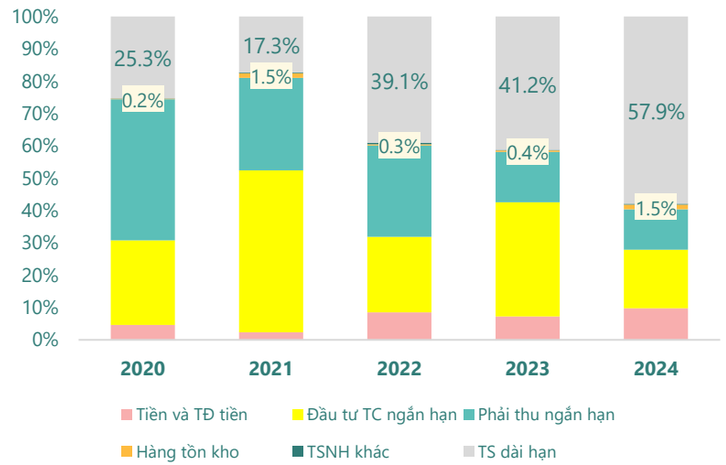
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



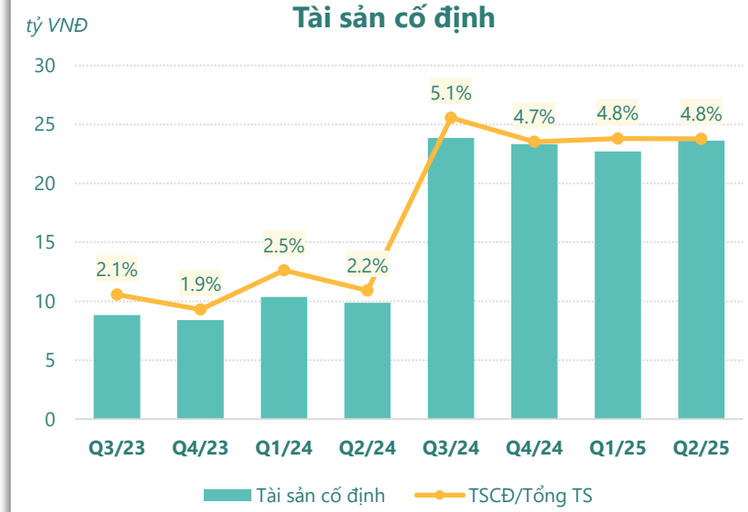
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



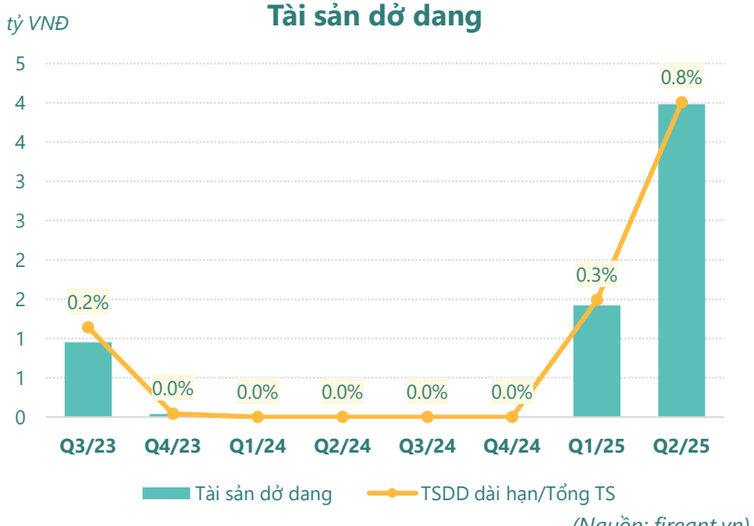
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



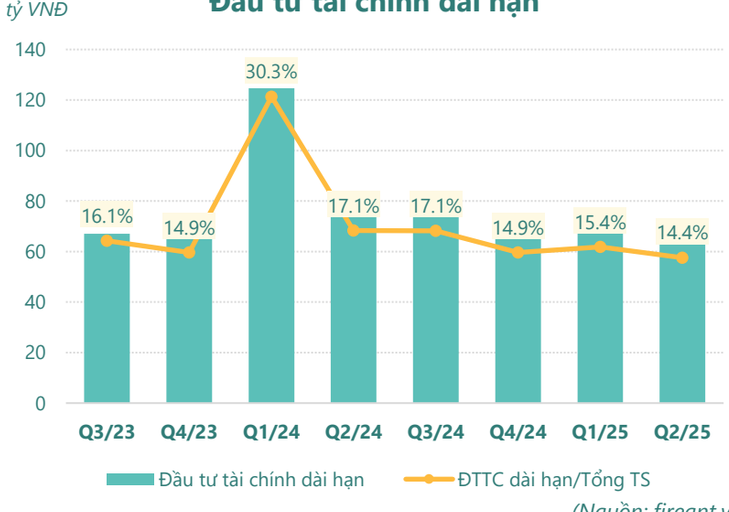
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



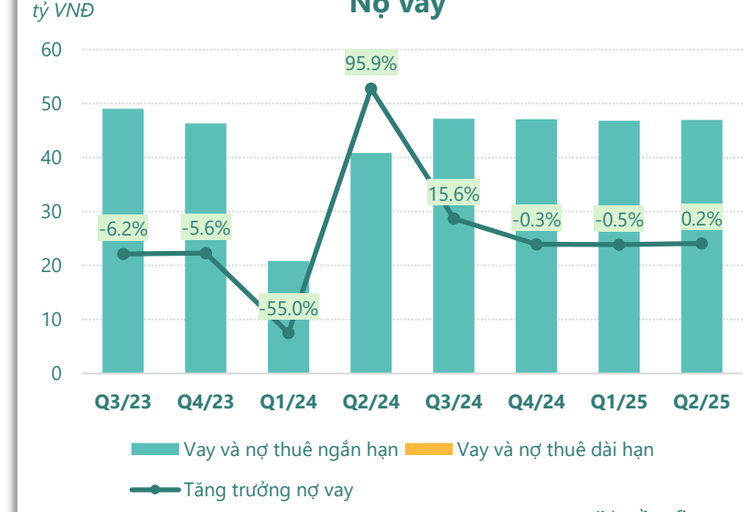
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

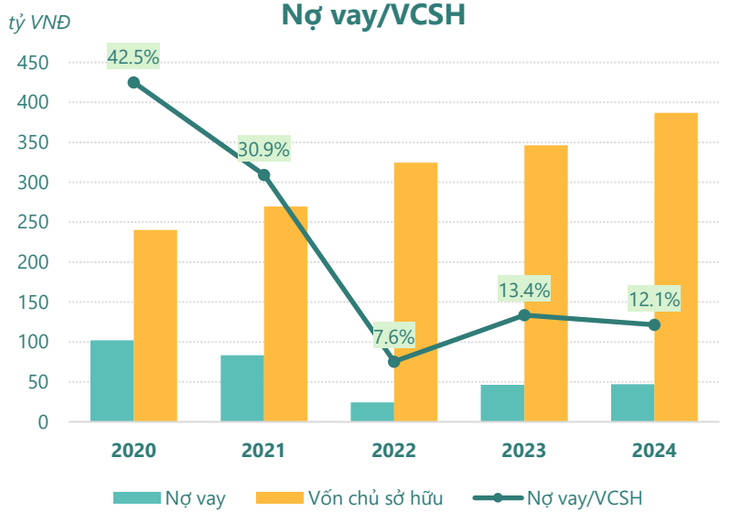
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

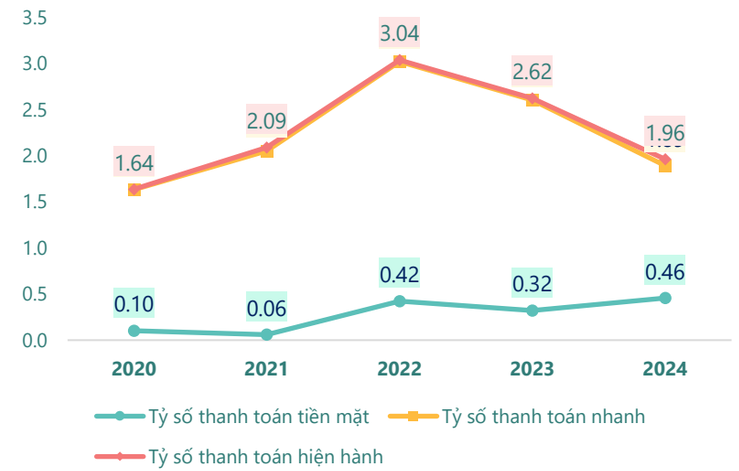
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



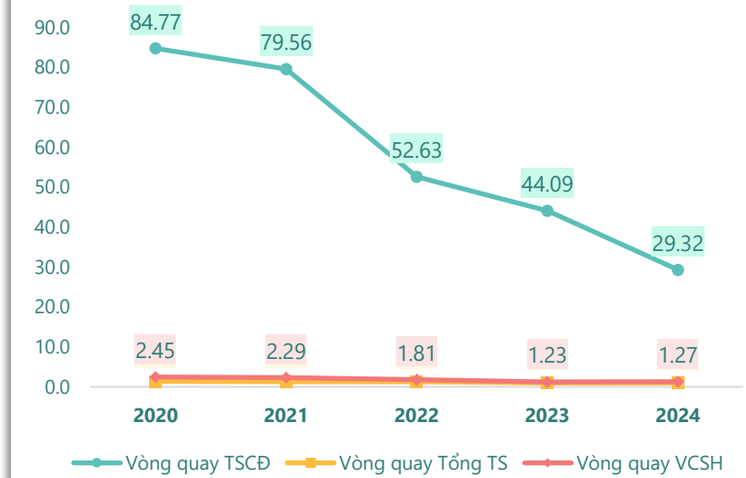
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



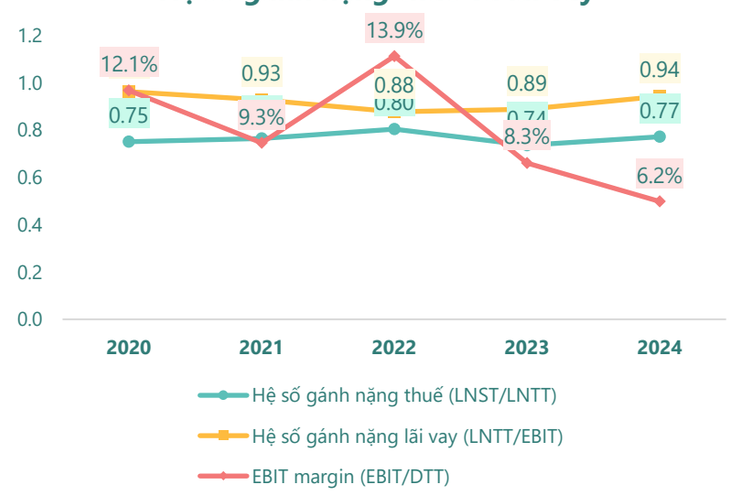
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



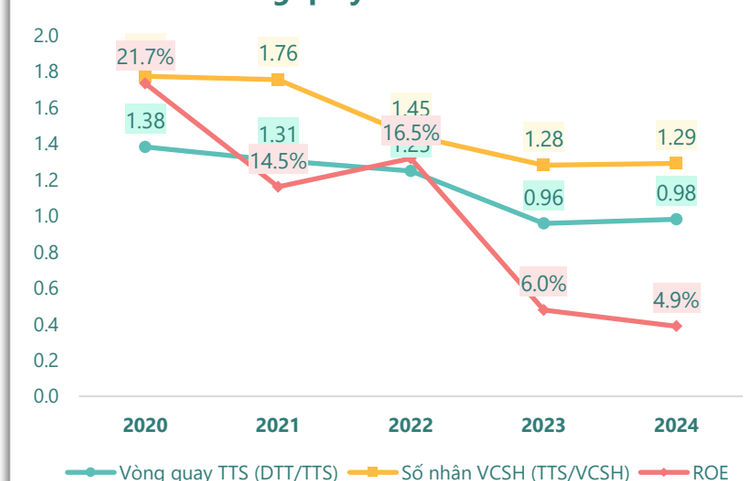
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



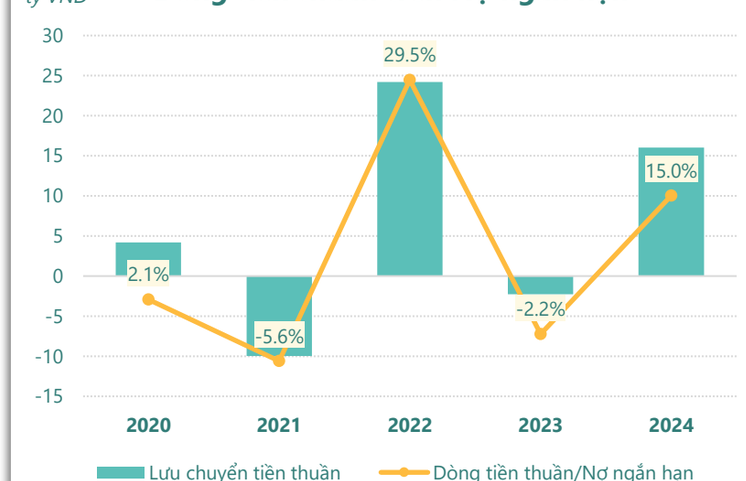
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**114**	**118**	**-3.1%**	**198**	**202**	**-2.0%**
Giá vốn hàng bán	97.2	99.3	-2.1%	171	171	-0.2%
Lợi nhuận gộp	17.1	19.1	-10.6%	27.6	31.5	-12.3%
Doanh thu HĐTC	3.01	6.46	-53.5%	4.96	9.29	-46.7%
Chi phí TC	2.30	0.52	343%	2.91	0.94	211%
Chi phí lãi vay	0.57	0.28	103%	1.17	0.69	69.8%
LN trong công ty LKLD	**0.01**	**0.08**	**-85.4%**	**-0.07**	**0.25**	**-129%**
Chi phí bán hàng	5.80	5.92	-2.0%	13.3	14.6	-9.2%
Chi phí QLDN	**6.11**	**5.29**	**15.5%**	**14.3**	**12.5**	**14.2%**
LN thuần từ HĐKD	5.88	13.9	-57.7%	1.95	12.9	-84.8%
Lợi nhuận khác	**0.25**	**-0.28**	**189%**	**0.08**	**-1.00**	**108%**
LN trước thuế	6.13	13.6	-54.9%	2.03	11.9	-82.9%
Lợi nhuận sau thuế	**4.81**	**10.7**	**-55.0%**	**0.55**	**8.73**	**-93.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**5.01**	**10.7**	**-53.1%**	**0.04**	**7.43**	**-99.5%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	2.41	-2.32	-6.90	17.3	-24.0	13.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	20.4	-11.8	-5.97	-4.39	7.50	-16.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-25.5	19.3	6.38	7.17	-0.17	-0.23
Tiền đầu kỳ	32.5	30.0	35.1	28.5	48.6	32.0
Lưu chuyển tiền thuần	**-2.69**	**5.20**	**-6.49**	**20.1**	**-16.7**	**-3.18**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.15	-0.10	-0.05	0.03	0.09	-0.05
Tiền cuối kỳ	30.0	35.1	28.5	48.7	32.0	28.8

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**497**	**496**	**0.0%**
Tài sản ngắn hạn	201	209	-3.8%
Tiền và tương đương tiền	28.8	48.6	-40.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	102	89.7	13.9%
Phải thu ngắn hạn	52.4	62.1	-15.6%
Hàng tồn kho	16.7	7.33	127%
Tài sản ngắn hạn khác	0.91	1.18	-23.0%
Tài sản dài hạn	**296**	**288**	**2.8%**
Phải thu dài hạn	1.98	0.34	475%
Tài sản cố định	23.6	23.3	1.5%
Bất động sản đầu tư	194	160	21.4%
Tài sản dở dang	3.98	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	71.5	103	-30.8%
Tài sản dài hạn khác	**0.77**	**0.93**	**-17.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	115	109	5.1%
Nợ ngắn hạn	**112**	**106**	**4.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	47.0	47.0	-0.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	38.6	29.8	29.2%
Nợ dài hạn	3.42	2.90	18.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**382**	**387**	**-1.4%**
Vốn chủ sở hữu	**382**	**387**	**-1.4%**
Vốn điều lệ	214	214	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)